

Bản án số: 144/2023/HS-ST
Ngày 20-9-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Doanh Thị Mây.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đàm Văn Sự;

Ông Đàm Đình Lập.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Vinh Thịnh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:**
Bà Mã Thị Mộng, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 133/2023/TLST-HS ngày 25 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 667/2023/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 9 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Thị T (tên gọi khác: Không); Giới tính: Nữ; sinh ngày 27 tháng 11 năm 1986 tại T, T, Cao Bằng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm C, xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hoàng Song M, sinh năm 1957 (đã chết); Con bà: Đàm Thị L, sinh năm 1960; Chồng là Hoàng Văn V, sinh năm 1984, có 03 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 2019, Công An huyện T (cũ) nay là huyện T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi mua bán, vận chuyển trái phép pháo.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/5/2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

2. Hoàng Văn N (tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam; sinh ngày ngày 28 tháng 02 năm 1998 tại Q, T, Cao Bằng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Bản Chang, xã Q, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hoàng Văn L1, sinh năm 1975 (đã chết); Con bà: Đàm Thị V1, sinh năm 1978; Vợ, con: Không; Tiền án, tiền sự, Nhân thân: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/5/2023 tại Trại tạm giam Công an tỉnh C. Có mặt.

- Người bào chữa cho các bị cáo: Bà Nguyễn Thị T1 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C. Có mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Hoàng Văn V, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Xóm C, xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 17 giờ ngày 11/5/2023, tổ công tác Đoàn Biên phòng N1 phối hợp với Phòng PCMT& TP Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh C đang thực nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát tại khu vực xóm G, K, T thì phát hiện bắt quả tang Hoàng Thị T, sinh năm 1986, trú tại, C, Nguyễn H, H, Cao Bằng đang điều khiển xe mô tô BKS 11B1-253.44 chở theo Phạm Thị Ý sinh năm 1996, trú tại số F, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nhập cảnh trái phép vào Việt Nam qua khu vực mốc 772 thuộc xóm G, xã K, huyện T. Tổ công tác đã đưa người và phương tiện về trụ sở để tiếp tục làm rõ.

Mở rộng điều tra vụ án đã xác định được: Khoảng tháng 04/2023, Hoàng Thị T có kết bạn qua W với một người đàn ông Trung Quốc không rõ thông tin về họ tên, địa chỉ và thường xuyên liên lạc, nói chuyện với nhau bằng tiếng dân tộc Nùng. Đến khoảng 12 giờ ngày 11/5/2023 khi T đang ngồi uống nước tại thành phố C cùng với Lương Văn B, sinh năm 1997, trú tại xóm L, xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng thì người đàn ông Trung Quốc gọi cho T qua W để đặt vấn đề thuê T đi đón một người phụ nữ Việt Nam nhập cảnh trái phép từ Trung Quốc về qua khu vực mốc 772, yêu cầu trở ra đến thị trấn T thỏa thuận tiền công là 1.000CNY, trả tiền ngay tại mốc nên T đồng ý. Sau đó, T gọi qua ứng dụng Meseger cho Hoàng Văn N, sinh năm 1998, trú tại Bản C, Q, T để hỏi vị trí mốc 772 ở đâu thì được biết mốc 772 thuộc địa phận xóm G, xã K, huyện T và N biết đường lên mốc. T bảo N cùng vào T, đi vào mốc 772 để đón người nhập cảnh trái phép với T nhưng chưa hứa hẹn trả tiền công và được N đồng ý. Quá trình T và N nói chuyện thì B không biết T nói chuyện gì, với ai. Sau khi đã liên lạc với N, T rủ B cùng vào Trùng K chơi, B đồng ý. Sau đó T sử dụng xe máy HONDA

loại VISION, BKS 11B1-253.44 chở theo Bao di chuyển từ thành phố C vào T, khi đến Km7 hướng từ thành phố C đi huyện Q thì gặp N đang đi xe máy ATILA, BKS 11Z2- 0870 cùng vào Trùng K theo yêu cầu của T. Khoảng 15 giờ cùng ngày khi đến thị trấn T, T nói cho B biết mục đích T và N đến mốc 772 để đón một người phụ nữ từ Trung Quốc về, T bảo B đợi ở thị trấn T nhưng B xin được đi cùng để đi chơi và xem mốc vì B chưa từng được đến mốc biên giới nên T đồng ý chở theo B vào xã K. Khi đến gần nhà văn hóa xóm G, T dừng xe lại và bảo Ngôi với B lên mốc để đón người. Tại đó, T yêu cầu B đổi điện thoại với T để tiện liên lạc, sau đó B cầm điện thoại của T cùng N đi lên mốc 772. Quá trình di chuyển T gọi điện bảo B đưa điện thoại cho N để T nói chuyện, T đã dẫn Ngôi khi nào lên đến mốc thì nhận tiền công với người Trung Quốc rồi mới dẫn người xuống. Khi đến điểm hẹn, B và N thấy một người phụ nữ Việt Nam và 02 người Trung Quốc. Ngôi nhận 1.000CNY từ người phụ nữ Trung Quốc rồi dẫn người phụ nữ Việt Nam xuống vị trí Tươi đang chờ. Khi xuống đến chỗ T, N đã đưa lại số tiền 1.000CNY cho T rồi điều khiển xe máy BKS 11Z2- 0870 cùng B đi trước, T chở theo người phụ nữ đi sau, khi đến chốt kiểm soát của Đồn biên phòng N1 thì bị phát hiện, bắt giữ.

Tại bản Cáo trạng số: 94/CT - VKSCB-P1 ngày 25/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố Hoàng Thị T, Hoàng Văn N về tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo Hoàng Thị T, Hoàng Văn N khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu ở trên và thừa nhận bản cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố là đúng với hành vi đã thực hiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Hoàng Văn V trình bày: Anh là chồng của bị cáo Hoàng Thị T, ngày 11/5/2023 anh đang đi chở hàng thuê tại huyện B nên không biết việc vợ anh đã đi vào huyện T đón người nhập cảnh trái phép. Chiếc xe máy HONDA loại VISION, BKS 11B1-253.44 là tài sản chung của hai vợ chồng được mua tại thành phố C vào năm 2017 đăng ký tên vợ Hoàng Thị T. Tại phiên tòa anh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại chiếc xe để sử dụng chung cho mục đích của gia đình.

Kết thúc phần tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội: Giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép” quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự; Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Hoàng Thị T, Hoàng Văn N phạm tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”.

Về hình phạt: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bị cáo Hoàng Thị T từ 15 đến 18 tháng tù.

Bị cáo Hoàng Văn N từ 12 đến 15 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 1.000CNY (Một nghìn Nhân dân tệ)

- Tịch thu phát mại nộp vào ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu xanh bạc đã qua sử dụng, số imei1: 860993057681939; imei2: 860993057681921, bên trong lắp sim số 0582 350 118; 0398 220 105.

- Tịch thu phát mại nộp vào ngân sách Nhà nước: ½ giá trị xe máy HONDA loại VISION, BKS 11B1-253.44; Trả lại ½ giá trị xe máy HONDA loại VISION, BKS 11B1-253.44 cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hoàng Văn V.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Tại phiên tòa người bào chữa cho các bị cáo: Bà Nguyễn Thị T1 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C trình bày quan điểm bào chữa:

Với những chứng cứ có trong hồ sơ, quá trình tranh tụng tại phiên tòa. Nhất trí với Cáo trạng và quan điểm luận tội của Viện kiểm sát đối với các bị cáo Hoàng Thị T, Hoàng Văn N về tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến điều kiện hoàn cảnh dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc phân công cụ thể, thực hiện hành vi với mục đích vụ lợi cá nhân.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo ăn năn hối lỗi; các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, ngày 13/5/2023 Hoàng Văn N đã đến Đoàn Biên phòng N1 đầu thú. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất trong khung hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị.

Về án phí: Các bị cáo đều thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tại phiên tòa các bị cáo đã có đơn xin miễn án phí, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn toàn bộ án phí hình sự cho các bị cáo.

Các bị cáo Hoàng Thị T, Hoàng Văn N không có lời bào chữa bổ sung, không có ý kiến tranh luận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hoàng Văn V không có ý kiến tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo ăn năn về hành vi đã thực hiện, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với tài liệu chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án về động cơ, mục đích, thời gian, địa điểm cũng như cách thức đưa người nhập cảnh trái phép vào Việt Nam. Như vậy, có đủ căn cứ để kết luận: Trong ngày 11/5/2023, Hoàng Thị T đã nhận lời với người đàn ông Trung Quốc quen biết qua Wechat đón người nhập cảnh trái phép vào Việt Nam với tiền công thỏa thuận là 1.000 NCY. Sau đó, Hoàng Thị T đã gọi điện trao đổi và nhờ Hoàng Văn N cùng đi đón người tại mốc 722. Sau khi đón được người nhập cảnh trái phép nhận tiền công 1.000CNY Ngôi đưa lại cho Tươi toàn bộ số tiền trên. Sự việc bị phát hiện T bị bắt giữ nên Ngôi chưa nhận được tiền công.

Hành vi đón người nhập cảnh trái phép đi sâu vào nội địa Việt Nam không làm thủ tục nhập cảnh theo quy định của pháp luật với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là vi phạm pháp luật. Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có đủ

năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp, động cơ phạm tội là nhằm mục đích hưởng lợi về kinh tế.

Xét về vai trò của các bị cáo, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc, phân công cụ thể. Hoàng Thị T giữ vai trò chính là người trực tiếp liên lạc với người đàn ông Trung Quốc để đón người nhập cảnh trái phép vào nội địa Việt Nam; bị cáo Hoàng Văn N được Hoàng Thị T nhờ đón người, không hứa hẹn trả tiền công, tuy biết đón người Trung Quốc nhập cảnh trái phép là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Các bị cáo đã thực hiện tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép một lần. Do vậy, hành vi của các bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự. Xét thấy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh gây ảnh hưởng xấu đến việc giữ gìn an ninh chính trị tại khu vực biên giới, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Việc bị cáo nhận đưa, đón công dân Trung Quốc nhập cảnh trái phép không có sự kiểm soát của các cơ quan chức năng tiềm ẩn nguy cơ phát sinh các loại tội phạm cũng như làm phát sinh nhiều vấn đề an ninh trật tự phức tạp và làm ảnh hưởng đến sự chỉ đạo của các ngành, các cấp về ngăn chặn, đấu tranh đối với các hành vi xuất, nhập cảnh qua biên giới.

[3] Xét luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, điều luật, tình tiết giảm nhẹ mức hình phạt, xử lý vật chứng đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Đối với quan điểm và đề nghị của Người bào chữa cho các bị cáo Hoàng Thị T, Hoàng Văn N là phù hợp với quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về nhân thân của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Các bị cáo đều là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, Hoàng Văn N đã đến Đồn Biên phòng N1 đầu thú ngày 13/5/2023. Do vậy, các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

[6] Về hình phạt chính: Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng, do vậy cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đảm bảo giáo dục, cải tạo các bị cáo, đồng thời răn đe, giáo dục phòng ngừa chung.

[7] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử thấy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Việc xử lý vật chứng:

- 10 tờ tiền nhân dân tệ mệnh giá 100CNY gồm các số seri: Y3W1650128; D00A771798; Z50R696507; Z50R696504; Z50R696532; Z02S489982; N0R5244380; T4G1912511; W5T7034513; K2A6962498, xét cần tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

- 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu xanh bạc đã qua sử dụng, số imei1: 860993057681939; imei2: 860993057681921, bên trong lắp sim số 0582 350 118; 0398 220 105 thu giữ của Hoàng Thị T, xét cần tịch thu phát mại nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với xe máy HONDA loại VISION, BKS 11B1-253.44 thu giữ của Hoàng Thị T, qua tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo và người liên quan tại phiên tòa đủ căn cứ xác định: Chiếc xe này đứng tên bị cáo Hoàng Thị T là công cụ phương tiện dùng vào việc phạm tội, tuy nhiên là tài sản chung của hai vợ chồng phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, chồng bị cáo không biết T sử dụng chiếc xe này để thực hiện hành vi đón người nhập cảnh trái phép, do vậy cần tịch thu phát mại nộp ngân sách Nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị xe máy HONDA loại VISION, BKS 11B1-253.44; Trả lại $\frac{1}{2}$ giá trị xe máy HONDA loại VISION, BKS 11B1-253.44 cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hoàng Văn V.

[9] Về các vấn đề khác:

Đối với Lương Văn B được cùng N trực tiếp lên mốc 722 đón người nhập cảnh trái phép nhưng trước đó B không được biết về việc này. Khi vào đến huyện T cho biết là đi đón người ở mốc biên giới thì B xin đi để xem mốc vì chưa được đến mốc biên giới bao giờ. Bao không được phân công nhiệm vụ, đi cùng là để chơi không có mục đích vụ lợi nên cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử lý đối với bao là có căn cứ.

Đối với người đàn ông Trung Quốc đặt vấn đề thuê T đi đón người nhập cảnh trái phép ngoài lời khai của T không có tài liệu, chứng cứ nào khác nên không đủ căn cứ xác minh làm rõ.

[10] Về nghĩa vụ chịu án phí: Tại phiên tòa các bị cáo đều có đơn xin miễn

án phí. Các bị cáo đều thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Hội đồng xét xử xét miễn toàn bộ án phí hình sự cho các bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Hoàng Thị T, Hoàng Văn N phạm tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”.

Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bị cáo Hoàng Thị T 15 (Mười năm) tháng tù, thời gian chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 11/5/2023.

Bị cáo Hoàng Văn N 12 (Mười hai) tháng tù, thời gian chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 13/5/2023.

2. Việc xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước: 10 (Mười) tờ tiền Nhân dân tệ mệnh giá 100CNY, gồm các số sêri: Y3W1650128; D00A771798; Z50R696507; Z50R696504; Z50R696532; Z02S489982; N0R5244380; T4G1912511; W5T7034513; K2A6962498.

- Tịch thu phát mại nộp vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO của Hoàng Thị T”. Mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và hình dấu của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C.

- Tịch thu phát mại nộp vào ngân sách Nhà nước: ½ giá trị xe mô tô BKS: 11B1-253.44, loại xe: Hai bánh từ 50-175cm³, nhãn hiệu: HONDA, số loại: VISION, màu sơn: Đen đỏ, dung tích xi lanh: 108; Số máy: JF66E0731914, số khung: RLHJF5813GY731885, số chỗ ngồi: 2, năm sản xuất 2017, xe đã qua sử dụng, có nhiều vết xước cũ ngoài vỏ xe (Xe không có gương chiếu hậu bên phải).

Qua kiểm tra số khung, số máy thực tế của xe trùng khớp với Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 25/5/2023 của Phòng CSGT Công an tỉnh C.

- Trả lại ½ giá trị xe máy nêu trên cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hoàng Văn V, trú tại xóm C, xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Xác nhận toàn bộ số vật chứng trên đã được chuyển giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng theo Biên bản giao nhận vật chứng số 171 ngày 28 tháng 8 năm 2023.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo Hoàng Thị T, Hoàng Văn N được miễn toàn bộ án phí Hình sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo Hoàng Thị T, Hoàng Văn N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án sơ thẩm trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- PC10 - CA tỉnh Cao Bằng;
- PV06 - CA tỉnh Cao Bằng;
- CQ ANĐT CA tỉnh Cao Bằng;
- Sở Tư pháp Cao Bằng;
- Cục THADS tỉnh Cao Bằng;
- Trại tạm giam CA tỉnh Cao Bằng;
- Nhà tạm giữ CA huyện B;
- Người TGTT;
- Phòng KTNV&THA (02);
- Người TGTT;
- HCTP; Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Doanh Thị Mây